

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST .

Ngày: 08/4/2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Năng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Dư Mỹ Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa:**  
Bà Danh Nguyễn Thúy Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 489/2020/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2020; về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị C – Sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh C – Sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại bản khai, nguyên đơn chị C xác định: Chị và anh C được gia đình mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ được tổ chức vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất hòa trong vấn đề tiền bạc nên dẫn đến cãi nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ thời gian trên cho đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung: Chị C yêu cầu được quyền nuôi hai con là cháu Nguyễn Thị Ngọc N – Sinh ngày 21/3/2014 và Nguyễn Lê Quốc K – Sinh ngày: 02/11/2019, tôi yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Tuy Nên, anh C không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của tôi nên tôi quyết định rút một

phần yêu cầu khởi kiện về con chung. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C không có ý kiến đối với yêu cầu của khởi kiện của chị C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện xin ly hôn với anh C và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, được quy định tại Khoản 1 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh C có địa chỉ cư trú tại xã H, huyện G nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C và niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với anh C nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án án căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị được cha mẹ mai mối và tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị C trình bày anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Đối với anh C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị C. Điều này chứng tỏ chị và anh C không còn quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, việc chị C yêu cầu được ly hôn với anh C là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh C.

[2.2] Về con chung: Do chị C rút một phần yêu cầu khởi kiện về con chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết con chung và cấp dưỡng của chị C.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a – Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5607 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 28; Khoản 01 - Điều 35; điểm a - Khoản 01 - Điều 39; Khoản 4 - Điều 147; Điều 217; Điều 227, 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử chấp nhận cho chị Lê Thị C ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

**2. Về con chung:** Đình chỉ yêu cầu giải quyết con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị C.

**3. Về án phí:** Buộc chị C phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tiền số 5607 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị C đã nộp đủ án phí.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, chị C tính kể từ ngày tuyên án (08/4/2021). Anh C tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Năng**